

TS NGUYỄN HỒNG DŨNG – THĂNG HOA CUỘC ĐỜI

THĂNG HOA CUỘC ĐỜI

Kỳ 125 Tư Tư Tưởng Cặp Tiễn Giữa Dòng Nguyên Thủy

Như Ninh Nguyễn Hồng Dũng

Kinh Duy Ma Cật ra đời không phải là sự ngẫu nhiên, mà phản ánh một nhu cầu thiết thực trong việc truyền bá Phật pháp cho quần đại quần chúng. Từ sau kỳ kết tập kinh điển lần thứ nhất, ngay sau khi Đức Tôn nhập Niết bàn, tư tưởng về sự canh tân Phật giáo đã manh nha trong tâm trí của nhiều vị đệ tử. Điều này vốn là quy luật tự nhiên của bất kỳ một đoàn thể hay tổ chức nào vì khi số lượng thành viên càng đông, thì nhu cầu đổi mới, thích ứng với xã hội càng trở nên cấp bách; huân hĩa giáo đoàn của Đức Phật ngày càng lớn mạnh, gồm đến một ngàn hai trăm vị Tỳ kheo, rồi hàng trăm Tỳ kheo ni, cùng vô số hàng Ưu bà tỳ, Ưu bà di. Đứng trước thực tế ấy, việc đổi mới phương cách hoằng hóa là điều tất yếu để Phật pháp có thể thâm sâu vào đời sống con người.

Tất nhiên, Phật giáo nguyên thủy vốn là nền tảng căn bản không bao giờ thay đổi. Đó là cốt lõi của giáo pháp như Tứ Diệu Đế, Bát Chánh Đạo, giáo lý về vô thường, vô ngã, khế, không, Niết-bàn... Đây chính là gốc rễ của cây Bồ đề, là nền móng vững chắc của đạo giải thoát. Nhưng xã hội con người luôn chuyển biến, phương tiện sinh hoạt luôn đổi thay, tâm nhĩn và cách sống cũng ngày càng khác trước. Nếu cứ giữ nguyên hình thức cứng nhắc, e rằng quần chúng sẽ khó tiếp nhận. Ngược lại, nếu phóng túng quá, xa rời tinh thần uyên áo của Đức Phật thì dễ rơi vào tà đạo. Chính từ đó, Đại thừa Phật giáo ra đời, với sắc thái được ví như “gấm thêu hoa” bởi không phải nhận nền tảng nguyên thủy, mà còn làm cho Phật pháp thêm phần phong phú, sinh động, dễ hội nhập vào xã hội, trong khi vẫn giữ vững cái cốt lõi bất

biến.

Trong giáo đoàn thời Đức Phật còn tại thế, muốn gia nhập thì người ta phải rời bỏ gia đình, cạo tóc, khoác y, khất thực, tu tập thiền định... rồi mới có cơ hội chứng đắc thánh quả. Nhìn thoáng qua, sự xả bỏ ái tình, ti tiện của, địa vị để sống đời an lạc đạo quả là việc phi thường, khó ai bì kịp. Nhưng đối với hàng phàm nhân còn nặng nợ gia duyên, tài sản ruộng vườn, dục lạc cuốn hút, công danh sự nghiệp ràng buộc... thì con đường xuất gia ấy trở thành điếu hủ như không thế. Vì thế, trong khi thời Phật tại thế có vài ngàn vị xuất gia, thì vô lâu dài, sau khi Ngài nhập diệt, giáo đoàn sẽ rơi diện nguy cơ mai một. Người hộ trì Tam bảo thì nhiều, nhưng người thực hành di huấn của Phật lại ít. Đây chính là nỗi lo của các bậc thiện tri thức lúc bấy giờ rằng, liệu hạt giống Bụt đó có còn được duy trì lâu dài hay không?

Thoạt kỳ thủy, vai trò của hàng cư sĩ ban đầu bị giới hạn. Người tại gia chỉ được xem như hộ pháp, khó đạt đến quả vị tối thượng. Nhưng kỳ thực, trong kinh điển, Đức Phật đã dạy rõ ràng, hễ ai đoạn diệt được các lậu hoặc thì đều có thể giải thoát, bất kể là xuất gia hay tại gia. Như vậy, xuất gia là một lợi thế vì ít vướng bận, nhưng cư sĩ nếu tinh tấn tu tập thì cũng có thể chứng ngộ như thường. Đáng tiếc thay, trong giai đoạn sơ khai, các bộ phái đã dựng đóng khung trong hình thức tu trì cứng nhắc, không mở ra con đường cho cư sĩ thành Phật. Do đó, đạo Phật trở thành pháp môn chỉ dành cho số ít người dũng cảm, khiếm khuyết năng lực chúng sinh bị hạn chế. Phật pháp từ ngàn xưa đã được tôn vinh như viên kim cương bất hoại, tỏa ánh sáng nhiệm mầu giữa cõi Ta bà đầy khố lụy. Dẫu thế gian đổi thay, dòng đời xoay chuyển, ánh sáng ấy vẫn chiếu rọi không hề phai nhạt, soi đường cho những tâm hồn khát khao giải thoát. Giá trị của Phật pháp không nằm ở sự huyền bí xa vời, mà chính nó giúp con người tìm lại bản tâm thanh tịnh, sống giữa thế gian mà không bị đời lôi cuốn. Khi tâm an định, trí tuệ bừng sáng, thì chân lý hiển hiện ngay trong từng hơi thở, từng bước đi.

Người cư sĩ dù còn vương bận gia đình, xã hội, nếu biết giữ tâm hướng đạo, tu tập giới, định, tuệ, thì vẫn có thể bước lên con đường Bồ đề đạo quả. Đó chính là tinh thần “thân không xuất gia mà tâm xuất gia” nghĩa là tuy vẫn sống đời thường, chưa rời bỏ gia đình, công việc hay xã hội, nhưng trong tâm đã có chí nguyện tu hành, buông xả tham sân si, giữ lòng thanh tịnh và hướng về giải thoát. Xuất gia quan trọng nhất không chỉ là hình thức cạo tóc, khoác áo, mà là sự xuất ly phiền não, lìa bỏ dục vọng trong tâm. Người tại gia nếu giữ giới, nuôi dưỡng trí tuệ, lòng từ bi, sống chánh niệm, thì cũng được gọi là “tâm xuất gia”, và công đức ấy cũng kém người mang hình tướng tu sĩ; điều này minh chứng rằng Phật pháp không giới hạn trong hàng ngũ Tăng già, mà mở rộng cho tất cả mọi người. Chính tính nhân bản ấy làm nên sức sống bất diệt của đạo Phật là ai cũng có cơ hội đạt đến giải thoát, ai cũng có thể thực hành sáng trí tuệ và lòng từ bi.

Như viên kim cương tỏa chiếu muôn phương, Phật pháp mãi là ngọn đuốc soi đường, đưa con người vượt khỏi đêm tối vô minh để đến bờ an lạc, hạnh phúc và giải thoát. Trong suốt bốn mươi lăm năm thuyết pháp, Đức Phật đã vận dụng phương tiện thiện xảo, dùng khái niệm “Ngũ thừa” để chia những bậc thang tu chứng phù hợp với căn cơ và trình độ của mỗi chúng sinh. Ngài không áp đặt một khuôn mẫu duy nhất, mà mở ra nhiều lối đi, giúp mọi người từ phàm phu đến bậc trí đều có thể nương theo mà tu học. Bậc thấp nhất là Nhân thừa, dành cho người giữ gìn năm giới, thực hành mười điều thiện, nuôi dưỡng đời sống hòa hòa, đạo đức, nhờ vậy có thể duy trì phước báu tái sinh làm người. Cao hơn là Thiên thừa, vẫn cũng lấy căn bản từ thiện hạnh, nhưng ở mức tinh tấn hơn, gieo trồng nhiều công đức, để hưởng quả báo sinh lên cõi trời với sự an vui thù thắng.

Khi bước sang bậc thang giải thoát, có Thanh văn thừa, chỉ cho những ai nhờ nghe pháp mà giác ngộ Tứ diệu đế, từ đó tu tập đoạn trừ khổ đau, chứng được giải thoát cho riêng mình. Song song với đạo lộ đó là Độc giác thừa, vẫn thuộc về những vị nào có căn cơ đặc biệt, không cần thầy chỉ dạy, mà nhờ quán chiếu

nhân duyên vô thường liện trực ngộ chân lý, đạt đến thành quả giải thoát độc lập. Hai con đường này được gộp chung lại gọi là Nhị thừa, biểu hiện sự thanh lọc phiền não và đạt được an lạc cá nhân.

Cao nhất trong ngũ thừa Phật giáo là Bát tát thừa, một con đường rộng lớn và cao cả. Người học Phật nơi đây không chỉ lo giải thoát cho bản thân, mà còn phát tâm quyết cứu độ tất cả chúng sinh, nguyện ở lại giữa đời để gieo duyên, dìu dắt, chia sẻ trí tuệ và từ bi. Con đường Bát tát là đỉnh cao của tinh thần Phật giáo, chỉ trí tuệ soi sáng và từ bi lan tỏa, nơi tự giác và giác tha cùng hội tụ. Đó chính là Đại thừa, chỉ có thuyền rộng lớn có thể chở vô số người vượt qua bờ sinh tử, mở ra viễn cảnh giải thoát cho toàn thể chúng sinh chứ không chỉ riêng một cá nhân ai.

Nhìn tổng thể, Ngũ thừa chính là một hệ thống phương tiện khéo léo, từ thấp đến cao, từ nhân gian đến giác ngộ tối thượng, để ai ai cũng có con đường phù hợp mà bước đi. Và dù ở bậc thang nào, mọi bước đều hướng về chân lý giải thoát mà Đức Phật đã khai mở cho nhân loại. Trong tiến trình lịch sử, Phật giáo từ Ấn Độ đã phân thành hai dòng lớn thành Nam truyền và Bắc truyền. Nam truyền (Theravāda, nguyên thủy) lan xuống phương Nam như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan, Cam bốt... với trọng tâm gìn giữ tạng Pāli, đề cao đời sống thanh tịnh, thiển định và hướng về con đường A la hán. Bắc truyền (Mahāyāna hay Đại chúng) đi lên phương Bắc qua Trung Hoa, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản..., phát triển thêm nhiều bộ kinh điển, nhấn mạnh lý tưởng Bát tát, tinh thần nhập thế và “bớt tư nghi giải thoát”.

Tuy nhiên, việc gọi Nam truyền là “Tiểu thừa” và Bắc truyền là “Đại thừa” dần dần hình thành. Danh xưng “Tiểu thừa” vốn mang tính tranh luận trong lịch sử, không phản ánh trọn vẹn giá trị tu tập của Nam truyền. Thực tế, căn cứ Luật tạng Hữu bộ và giáo pháp căn bản, bất cứ ai hành trì Bát Chánh Đạo, Tứ vô lượng tâm, Tứ nhiếp pháp thì đều đi trên con đường Đại thừa, vì đều hướng đến giải thoát và lợi ích chúng sinh.

Cả hai truyền thống đều dựa trên Tam học là Giới, Định, Huệ và

Tứ diệu đế, ch^o khác ^o phương tiện và hình thái phát tri^on. Nam truy^on giữ nguyên vẹn tinh th^on nguyên th^oy, nh^on mạnh sự gi^oi thoát cá nhân như một n^on t^ong ch^oc ch^on. B^oc truy^on m^o rộng vi^on tượng, đ^o cao tinh th^on vị tha, nhưng cũng không rời kh^oi cội ngu^on căn b^on. Nhìn khách quan, hai dòng truy^on thừa b^o sung cho nhau: một bên là sự tinh nghiêm, n^on t^ong thi^on quán; một bên là sự khai tri^on bao dung, uy^on chuy^on phương tiện.

Do đó, thay vì phân chia, người học Phật hôm nay nên nhận ra rằng c^o Nam truy^on l^on B^oc truy^on đ^ou cùng chung một g^oc, đó chính là tìm c^ou giác ngộ và gi^oi thoát kh^o đau, ch^o khác nhau ^o cách bi^ou đạt và phương tiện hành trì.

Kinh Duy Ma Cật m^o ra một hướng nhìn đặc biệt trong lịch s^o tư tư^ong Phật giáo, tinh th^on nhập th^o g^on li^on với trí tuệ gi^oi thoát. Nhân vật trung tâm, cư sĩ Duy Ma Cật, không ph^oi là một vị Tỳ kheo xu^ot gia, mà là một cư sĩ s^ong giữa lòng xã hội. Nhưng chính nơi vị cư sĩ này, ta th^oy hội tụ đ^o trí tuệ, từ bi và phương tiện thiện x^oo đ^o ngang hàng với các bậc Đại B^o tát. Đi^ou này hàm ý rằng giác ngộ không bị giới hạn trong hình thức tu tập, mà m^o ra cho t^ot c^o những ai đ^o tâm đức và đại hạnh.

Bi^ou tượng nhập th^o ^o đây là đi^om đặc s^oc vì Duy Ma Cật không rời kh^oi ph^o chợ, không xa lánh gia đình, mà v^on hóa độ chúng sinh bằng sự hiện hữu đ^oy tự tại. Căn bệnh c^oa ông, thay vì là một n^oi kh^o, lại được dùng như phương tiện giáo hóa: “bệnh vì chúng sinh bệnh, kh^o vì chúng sinh kh^o”. Qua đó, ông làm sáng t^o tinh th^on đ^ong sự nhi^op, cùng chia s^o kh^o đau đ^o d^on d^ot người khác đ^on ch^o giác ngộ. Nhập th^o không ph^oi đ^o bị đời cu^on trôi, mà là đ^o s^ong ngay trong tr^on th^o với tâm sáng su^ot, bi^on phi^on n^oo thành b^o-đ^o.

Đặc biệt, kinh nh^on mạnh đ^on “b^ot tư nghi gi^oi thoát” là một c^onh giới vượt ngoài tư duy nhị nguyên. B^ot tư nghi không ch^o là kỳ diệu siêu việt, mà còn là sự tự tại vô ng^on giữa th^o gian, như sen n^o trong bùn mà ch^ong nhi^om bùn.

C^onh giới này khi^on mọi giới hạn v^o hai mặt trong ngoài, sạch dơ, sinh diệt... tr^o nên r^ong không, đ^o người học Phật tự do ứng

hiện mà không bị trói buộc. Đó chính là ch^o “tùy duyên b^ot bi^on, b^ot bi^on tùy duyên”, vừa s^ong giữa đời vừa không m^ot đi b^on tâm thanh tịnh.

Tinh th^on ^oy tương ứng với lời Lục T^o Huệ Năng trong Pháp B^oo Đàn Kinh dạy: “Phật pháp tại th^o gian, B^ot ly th^o gian giác. Ly th^o m^och B^o đ^o, Do như c^ou th^o giác.” Ý nghĩa b^on câu trên là Phật pháp không xa rời đời s^ong, n^ou là th^o gian mà c^ou giác ngộ thì ch^ong khác nào đi tìm sừng th^o, lông rùa. Đây là lời c^onh t^onh mà Lục T^o đã quan tâm rằng,

Phật đạo không ^o nơi vi^on mộng mà ^o trong từng sát na hiện thực, trong từng việc làm bình dị c^oa m^oi chúng ta. Như vậy, Duy Ma Cật tr^o thành bi^ou tượng c^oa người s^ong giữa đời mà không bị đời chi ph^oi, l^oy trí tuệ và bi nguyện làm ngọn đèn soi sáng. Hình ^onh ^oy nh^oc nh^o người học Phật hôm nay rằng, con đường gi^oi thoát không tách rời xã hội, mà chính trong từng m^oi quan hệ, từng công việc hằng ngày, ta có th^o s^ong được tinh th^on “b^ot tư nghi gi^oi thoát”.

Trong ti^on trình tu học Phật pháp, những ngộ nhận và thái độ cực đoan thường khi^on con đường giác ngộ bị lệch lạc. Một s^o người mang danh đệ t^o Phật nhưng lại tin tư^ong vào những hình thức mê tín như c^ou xin th^on thánh, bói toán, đ^ot vàng mã, coi Phật như một vị th^on linh ban phước giáng họa. Cách nhìn này hoàn toàn trái với tinh th^on tự giác và tự lực mà đạo Phật đ^o cao. Ngược lại, cũng có những người đi vào cực đoan khác: quá thiên v^o nghiên cứu tri^ot học, ph^o nhận mọi nghi l^o, cho rằng tụng kinh, l^o bái, cúng dường ch^o là hình thức không c^on thi^ot. K^ot qu^o là Phật pháp trong cách ti^op cận ^oy tr^o nên khô thi^on, thi^ou sức c^om hóa bậc tri thức và xa lạ với qu^ong đại qu^on chúng.

Đức Phật từng dạy v^o Trung đạo trong Kinh Chuy^on Pháp Luân với bài pháp đ^ou tiên, Đức Phật đã ch^o con đường kỳ diệu đó h^ou tránh hai thái cực, một bên là buông mình trong dục lạc th^o gian, bên kia là kh^o hạnh ép xác làm t^on hại thân tâm. Trung đạo không ph^oi là sự th^oa hiệp n^oa v^oi, mà là con đường sáng su^ot, hướng v^o gi^oi thoát. Con đường ^oy chính là Bát Chánh Đạo

gồm chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm và chánh định. Đây là nền tảng cho trí tuệ phát sinh, tâm được an tịnh, và rốt ráo đạt đến Niết-bàn. Trong tu học ngày nay, tinh thần Trung đạo càng cần được vận dụng. Nếu chỉ thiên về nghi lễ hình thức, ta có nguy cơ sa vào mê tín, biến đạo thành sự cẩu khốn. Ngược lại, nếu phủ nhận nghi lễ hoàn toàn, ta sẽ đánh mất một phương tiện nhiếp tâm, một cánh cửa đưa tâm vào định và nuôi dưỡng niềm tin. Do đó, người học Phật cần biết khéo dung hòa, giữ gìn nghi lễ như một phương tiện thiện xảo, nhưng đồng thời chăm lo tu tập nội tâm, giữ tâm tỉnh giác. Chính sự quân bình này mới giúp Phật pháp đi vào đời sống, vừa gần gũi vừa sâu xa.

Thực chất, nghi lễ không phải cứu cánh mà là phương tiện. Khi được thực hành bằng tâm thanh tịnh, nghi lễ giúp nuôi dưỡng lòng cung kính, tạo nên môi trường thuận lợi cho việc nhiếp tâm, gieo trồng hạt giống giải thoát. Không phải Phật hay thần linh ban phước, mà chính là tâm trong sáng của mình tạo nên cảnh giới an lạc và giải thoát ngay giữa đời thường.

Kinh Duy Ma Cật ra đời không chỉ là một dấu mốc trong lịch sử Phật giáo, mà còn là thông điệp tuyệt vời gửi đến nhân loại muôn nghìn kiếp vị lai. Kinh đã mở rộng cánh cửa đạo, đưa Phật pháp từ chốn thiền môn đi vào mọi ngõ ngách đời sống, khẳng định rằng hàng cư sĩ cũng có thể là bậc thầy trí tuệ, là ánh sáng cho tha nhân. Tinh thần “bứt tư nghi giải thoát” mà kinh trình bày đã phá vỡ mọi ranh giới giữa xuất gia và tại gia, giữa đời và đạo, giữa phàm phu và thánh nhân. Đó là sự tự tại vô ngại vì sống giữa trần thế mà không nhiễm bụi trần, hiện hữu giữa đau khổ mà vẫn gieo mầm an lạc.

Ngày nay xã hội Tây Phương với khoa học phát triển tốt bậc, trí tuệ nhân tạo đã chiễm lảnh thị phần hầu như trọn vẹn nhưng tâm thức con người vẫn không có loại cơ năng kỹ thuật kỳ diệu nào thay thế được, chính nhờ tư tưởng này, Phật pháp trở nên gần gũi hơn, thấm sâu hơn vào đời sống thường nhật, mà vẫn giữ

trọn tinh hoa của giáo lý nguyên thủy. Người học Phật hôm nay, dù ở bất cứ hoàn cảnh nào, cũng có thể tiếp nhận ánh sáng ấy, để chuyển hóa khổ đau thành trí tuệ, biến phiền não thành Bồ đề. Đây là giá trị phổ quát mà nhân loại đang cần thiết về một con đường không tách rời thế gian, mà hòa nhập để làm trong sáng thế gian. Duy Ma Cật trong thời đại kỹ thuật số lại càng rõ sứ mạng thiêng liêng bằng lời nhắc nhở rằng, giải thoát không ở đâu xa, mà ngay nơi đời sống này, nếu ta biết sống bằng tâm an nhiên và trí tuệ vô ngại.

Như Ninh Nguyễn Hồng Dũng